TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2020
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; sinh năm 1985; thường trú: xã N, huyện N1, tỉnh T. Tạm trú: Số 7 đường Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất 1, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Quách Công V, sinh năm 1984; thường trú: xã N, huyện N1, tỉnh T. Tạm trú: Số 7 đường Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất 1, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Bùi Thị T và anh Quách Công V có thời gian tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian ngắn thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2005, cấp ngày 15/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê ở xã N, huyện N1, tỉnh T được khoảng 03 năm thì vào thành phố D, tỉnh B sinh sống cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi, anh Quách Công V không có sự chia sẻ, không có trách nhiệm với vợ con, đồng thời anh Quách Công V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con chung, vợ chồng sống ly thân từ năm

2018 cho đến nay. Chị Bùi Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Quách Công V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Quách Lệ X, sinh ngày 16/10/2002; Quách Thị Vy O, sinh ngày 01/12/2010 và Quách Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2010. Chị Bùi Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Quách Công V cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Bùi Thị T làm công nhân tại Công ty TNHH Quốc tế Chutex, thu nhập khoảng 8.000.000 – 10.000.000 đồng/1 tháng. Anh Quách Công V hiện nay làm gì, thu nhập bao nhiêu chị Bùi Thị T không biết. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Bùi Thị T.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về phía bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 09/7/2020 anh Quách Công V trình bày:

Thống nhất với lời khai của chị Bùi Thị T về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng. Trong cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2015, do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự gần gũi chia sẻ nên năm 2018 anh Quách Công V đã có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng anh Quách Công V không đồng ý ly hôn vì hiện nay không còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nữa và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị Bùi Thị T về số con chung và họ, tên, ngày tháng năm sinh của các con. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh Quách Công V tôn trọng nguyện vọng của các con muốn ở với cha hay với mẹ và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh Quách Công V là lao động tự do thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Chị Bùi Thị T làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu anh Quách Công V không biết.

Về tài sản chung: Anh Quách Công V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Quách Công V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn được triệu tập hợp lệ để tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 28/5/2020 và ngày 09/7/2020 nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Quách Công V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Quách Công V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Quách Công V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2005, cấp ngày 15/12/2005 nên quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị T và anh Quách Công V là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T thấy rằng: Chị Bùi Thị T khai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi, anh Quách Công V không có sự chia sẻ, không có trách nhiệm với vợ con, đồng thời có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con chung, vợ chồng đã sống ly thân. Anh Quách Công V không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn từ năm 2015 và trước đây có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị T và anh Quách Công V đã phát sinh từ lâu, trong thời gian dài, do vợ chồng tính tình không hợp, anh Quách Công V không chung thủy mặc dù vợ chồng có trao đổi với nhau nhưng tình cảm không được cải thiện điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, chị Bùi Thị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh Quách Công V và chị Bùi Thị T có 03 con chung tên Quách Lệ X, sinh ngày 16/10/2002; Quách Thị Vy O, sinh ngày 01/12/2010 và Quách Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2010, chị Bùi Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên và nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi. Xét thấy, trong quá trình tố tụng anh Quách Công V đồng ý với nguyện vọng của các con, tại bản tự khai của các cháu Quách Lệ X; Quách Thị Vy O và Quách Thị Thùy D đều có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời chị Bùi Thị T là người có khả năng lao động, có thu nhập ổn định và các cháu là con gái nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Bùi Thị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Quách Công V cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T.

[5] Về tài sản chung: Anh Quách Công V và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Quách Công V và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Quách Công V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Quách Công V (Giấy chứng nhận kết hôn 52/2005 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh T cấp ngày 15/12/2005).

2. Tiếp tục giao các cháu Quách Lệ X, sinh ngày 16/10/2002; Quách Thị Vy O, sinh ngày 01/12/2010 và Quách Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2010 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị T và anh Quách Công V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Quách Công V lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Bùi Thị T nuôi con thì chị Bùi Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T về việc không yêu cầu anh Quách Công V cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040096 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân thành phố D, tỉnh B. Anh Quách Công V không phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND xã N, huyện N1, tỉnh T (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Thị Thắm